

## **PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

### **CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

*“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:*

#### **I. Giới thiệu:**

##### **1. Khái quát về dự án và gói thầu.**

1.1. Tên dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ GPMB các dự án: Đầu tư xây dựng ĐT382B đoạn Km14+420 – Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải); đầu tư xây dựng đường Vân Du – Phù Ủng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382) huyện Ân Thi và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Vân Du, huyện Ân Thi (nay là xã Xuân Trú).

1.2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Xuân Trú.

1.3. Nhóm dự án: Dự án nhóm C

1.4. Loại cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

1.5. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Xuân Trú.

1.6. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng công trình để tái định cư những hộ dân thuộc diện phải di dời giải phóng mặt bằng trong phạm vi thực hiện các dự án: Đầu tư xây dựng ĐT.382B đoạn Km14+420-Km26+730 (nhánh trái và nhánh phải); đầu tư xây dựng đường Vân Du-Phù Ủng (đoạn từ nút giao ĐT.376 đến ĐT.382 huyện Ân Thi) và đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Xuân Trú. Đảm bảo đồng bộ hạ tầng đô thị, hiện đại, tạo điều kiện tốt nhất nhân dân tái định cư, ổn định đời sống, phát triển ngành nghề dịch vụ, thương mại, tiểu thủ công nghiệp của địa phương. Đồng thời tận dụng được những diện tích trồng lúa kém hiệu quả chuyển mục đích sử dụng đất sang đấu giá cho nhân dân làm nhà ở. Tạo nguồn thu để xây dựng các công trình hạ tầng xã hội của địa phương, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của xã.

1.7. Nguồn vốn: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.8. Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2027.

1.9. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Trú, tỉnh Hưng Yên.

1.10. Quy mô, giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

a. Quy mô

Dự án nhóm: Nhóm C.

Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III.

Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có tổng diện tích 48.353,70 m<sup>2</sup> bao gồm các hạng mục:

Giải phóng mặt bằng, san nền toàn bộ khu đất;

Xây dựng hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội bộ.

Hệ thống cây xanh trên vỉa hè;

Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải.

Hệ thống điện sinh hoạt, điện chiếu sáng;

b. Giải pháp thiết kế

\* San nền

- Thiết kế san nền trong phần diện tích các lô đất phân lô, gồm 13 lô: Lô-01, Lô-02... Lô-13. Cao độ san nền thấp nhất +3.85m, cao nhất +3,90m. Chiều cao đắp trung bình trên toàn khu trung bình 1,97m (chưa bao gồm vét hữu cơ 25cm). Vật liệu đắp nền dùng cát đen san nền, độ chặt đầm nén  $K=0,90$ . Khu đất cây xanh đắp tận dụng đất hữu cơ tầng lớp mặt chiều dày 1,0m.

\* Đường giao thông

- Dự án gồm 09 tuyến đường, tổng chiều dài  $L=1920,36m$ , cụ thể như sau:

- Tuyến số QH01, QH02, QH03, QH04, QH06:  $B_n = 15,5m$ , dốc ngang mặt đường hai mái  $i=2\%$ ;  $B_m = 7,5m$ ; vỉa hè 2 bên  $B_{vh} = 2 \times 4,0m$ ; dốc ngang vỉa hè  $i=1,5\%$ .

- Tuyến số QH05:  $B_n = 9,5m$ , dốc ngang mặt đường hai mái  $i=2\%$ ;  $B_m = 5,5m$ ; vỉa hè bên trái tuyến  $B_{vh} = 1 \times 4,0m$ ; dốc ngang vỉa hè  $i=1,5\%$ .

- Tuyến số QH07:  $B_n = 25,0m$ , dốc ngang mặt đường hai mái  $i=2\%$ ;  $B_m = 15,0m$ ; vỉa hè 1 bên  $B_{vh} = 2 \times 5,0m$ , dốc ngang vỉa hè  $i=1,5\%$ .

- Tuyến số QH08:  $B_n = 18,0m$ , dốc ngang mặt đường hai mái  $i=2\%$ ;  $B_m = 10,0m$ ; vỉa hè 2 bên  $B_{vh} = 2 \times 4,0m$ ; dốc ngang vỉa hè  $i=1,5\%$ .

- Tuyến làn tăng giảm tốc:  $B_n$  (mở rộng) = 4,50m, dốc ngang mặt đường hai mái  $i=2\%$ ;  $B_m = 3,50m$ ; lề đường  $B_{lề} = 1,0m$ ; dốc ngang lề đường  $i=4,0\%$ ;

- Trắc dọc đường: Độ dốc dọc giao thông nhỏ đầu nối êm thuận với đường Vân Du – Phù Ứng.

- Xử lý đào cấp đổi với những vị trí đắp trên sườn dốc  $> 20\%$ , bề rộng đánh cấp trung bình  $B = 0,5-1,0m$ .

- Các vị trí tiếp giáp ranh giới thực hiện dự án có sự chênh cốt làm kè đá hộc xây và kè gạch để đảm bảo độ ổn định của nền đường. Các vị trí tiếp giáp lô đất đầu giá, xây bó gáy hè để đảm bảo ổn định nền đường.

- Kết cấu kè đá hộc (giáp khu dân cư có chiều cao  $h > 1,70m$ ): Đóng cọc tre chiều dài  $L=2,0m$  gia cố đáy móng kè mật độ 20 cọc/m<sup>2</sup>; Lớp đá dăm đệm  $D_{max} \leq 6cm$  dày 10cm; Móng kè, tường kè bằng đá hộc xây vữa XM mác 100; Cách 6m để khe phòng lún bằng bao tải tẩm và quét nhựa đường ba lớp; Vị trí giữa các đoạn kè đặt ống thoát nước bằng nhựa PVC D60mm. Đỉnh kè BTCT mác 250 đá 1x2 dày 20cm; Đắp trong móng kè bằng cát đầm K95, đắp ngoài kè bằng đất tận dụng K90.

- Tường chắn (giáp khu dân cư chiều cao  $h < 1,70m$ ): Đóng cọc tre chiều dài  $L=1,5m$  gia cố đáy móng kè mật độ 16 cọc/m<sup>2</sup>; Móng kè bằng BTXM mác 100 đá 2x4; Tường kè xây gạch không nung vữa XM M75, trát ngoài kè vữa XM mác 75

dày 20mm ; Đỉnh kê BTCT mác 250 đá 1x2 dày 20cm; Cách 10m để khe phòng lún bằng bao tải tẩm và quét nhựa đường ba lớp; Vị trí giữa các đoạn kê đặt ống thoát nước bằng nhựa PVC D60mm. Đắp trong móng kê bằng cát đầm K95, đắp ngoài kê bằng đất tận dụng K90.

- Mặt đường thiết kế theo tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN - Áo đường mềm - Yêu cầu và Chỉ dẫn thiết kế. Kết cấu mặt đường lựa chọn là cấp cao A1, tải trọng trục tính toán 100KN, thời hạn thiết kế >10 năm.

- Kết cấu áo đường áp dụng cho 08 tuyến : tuyến QH01; tuyến QH02;... ; tuyến QH08 mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc >120MPa, các lớp kết cấu như sau:

- + Bê tông nhựa chặt BTNC 16 dày 7cm;
- + Tưới nhựa nhũ tương axit thắm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m<sup>2</sup>;
- + Cấp phối đá dăm loại I (D<sub>max</sub>=25) lớp trên dày 15cm đầm chặt K>98;
- + Cấp phối đá dăm loại II (D<sub>max</sub>=37,5) lớp dưới dày 25cm đầm chặt K>98;
- + Lớp nền đầm chặt K= 0,98 dày 50cm;
- + Lớp cát tôn nền đầm chặt K= 0,95.

- Kết cấu áo đường áp dụng cho tuyến làn tăng giảm tốc đường Vân Du – Phù Ủng mô đun đàn hồi yêu cầu Eyc >140MPa, các lớp kết cấu như sau:

- + Bê tông nhựa chặt BTNC 16 dày 5cm;
- + Tưới nhựa nhũ tương axit dính bám tiêu chuẩn 0,50 kg/m<sup>2</sup>;
- + Bê tông nhựa chặt BTNC 16 dày 7cm;
- + Tưới nhựa nhũ tương axit thắm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m<sup>2</sup>;
- + Cấp phối đá dăm loại I (D<sub>max</sub>=25) lớp trên dày 15cm đầm chặt K>98;
- + Cấp phối đá dăm loại II (D<sub>max</sub>=37,5) lớp dưới dày 30cm đầm chặt K>98;
- + Lớp nền đầm chặt K= 0,98 dày 50cm;
- + Lớp cát tôn nền đầm chặt K= 0,95.

- Hè đường: Kết cấu hè lát gạch block tự chèn gồm các lớp: Gạch Block con sâu 6,0cm; lớp đệm cát vàng gia cố xi măng 8% dày 10cm.

- Bó vỉa: Block vỉa bằng các khối bê tông đúc sẵn mác 250, kích thước 40x19cm, chiều dài viên 0,99m trên đoạn thẳng, 0,49m trên đoạn cong. Dưới block bó vỉa lót vữa XM mác 75 dày 2cm và lớp BTXM mác 100 đá 2x4 dày 10cm.

- Đan rãnh bằng các tấm bê tông xi măng 25x50x6cm mác 250, lót vữa XM mác 75 dày 2cm, dưới đệm BTXM mác 100 đá 2x4 dày 10cm.

- Bó gáy hè: Xây bó gáy hè tiếp giáp ranh giới lô đất đầu giá để giữ ổn định nền đường. Bó gáy hè bằng kết cấu xây gạch không nung vữa XM mác 75, đáy đệm BTXM mác 100 đá 2x4 dày 10cm.

- An toàn giao thông: Bố trí biển báo, sơn vạch kẻ đường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; màng phản quang dành cho báo hiệu đường bộ theo TCVN7887:2018; gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - yêu cầu thiết kế theo TCCS 34: 2020/TCĐBVN.

\* Hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng cống tròn BTCT đúc sẵn D600, D800, D1000, D1200 thu gom nước mặt của dự án sau đó thoát vào cửa xả cạnh mương hiện trạng phía Bắc dự án; cống tròn đặt trên đế cống BTCT đúc sẵn.

- Nước mưa từ đường, vỉa hè được thu trực tiếp hai bên đường bằng hố thu; nước từ hố thu nước chảy vào hố ga thăm qua cống BTCT D300.

- Cấu tạo hố thu, hố ga thăm:

+ Hố thu kích thước  $a \times b = 0,69 \times 1,1$  m; kết cấu tường và đáy móng BTCT mác 250, đệm lót móng đá dăm 2x4; nắp đáy tấm chắn rác composite.

+ Hố ga thăm: kích thước  $a \times b = 1,44 \times 1,44$  m (D600);  $1,64 \times 1,44$  m (D800);  $1,94 \times 1,64$  m (D1000);  $2,14 \times 1,64$  m (D1200); kết cấu tường xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75 dày 15mm; đáy móng BTCT mác 250, đệm lót móng đá dăm 2x4; nắp đáy tấm đan BTCT đá mác 250 kết hợp nắp ga composite.

- Hoàn trả kênh tưới, tiêu qua phạm vi dự án theo lý trình cụ thể như sau:

| Tên kênh                                    | Lý trình             | Hoàn trả                                  |
|---------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------|
| Kênh tưới kết hợp tiêu N6 trạm bơm Tòng Củ  | Km0+0.00 - Km0+197.2 | Mương xây $b \times h = 0,8 \times 1,0$ m |
| Kênh tưới kết hợp tiêu N1 trạm bơm Cao Trai | Km0+140 - Km0+359,5  | Kè đá hộc                                 |
| Kênh tưới kết hợp tiêu trạm bơm Tòng Củ     | Km0+340 - Km0+559.5  | Kè đá hộc                                 |
| Kênh tưới kết hợp tiêu N6 trạm bơm Tòng Củ  | Km0+0.00             | Cống hộp $0,8 \times 1,0$ m               |
| Kênh tưới kết hợp tiêu N1 trạm bơm Cao Trai | Km0+270              | Cống hộp $2.0 \times 2.0$                 |
| Kênh tưới kết hợp tiêu trạm bơm Tòng Củ     | Km0+440              | Cống hộp $2.5 \times 2.5$                 |

- Giải pháp kết cấu:

+ Mương xây  $b \times h = 0,80 \times 1,0$  m: Kết cấu tường xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75 dày 15mm; đáy móng BTXM mác 150 dày 15cm, đệm lót móng đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,0m, mật độ 20 cọc/m<sup>2</sup>; trên tuyến kênh bố trí thanh chống BTCT mác 250 đảm bảo khoảng cách 3m/1 thanh chống.

+ Kè đá hộc: Đóng cọc tre chiều dài  $L = 2,0$  m gia cố đáy móng kè mật độ 20 cọc/m<sup>2</sup>; Lót đá dăm đệm 2x4 dày 10cm; móng kè, tường kè bằng đá hộc xây vữa XM mác 100; cách 6m để khe phòng lún bằng bao tải tấm và quét nhựa đường ba lớp; vị trí giữa các đoạn kè đặt ống thoát nước bằng nhựa PVC D60mm; đỉnh kè

BTCT mác 250 đá 1x2 dày 20cm ; đắp trong móng kê bằng cát đầm K95, đắp ngoài kê bằng đất tận dụng K90.

+ Cổng hoàn trả kênh tưới, tiêu qua phạm vi dự án bằng cổng hộp bxxh=0,8x1,0m, bxxh=2,0x2,0m; bxxh=2,5x2,50m: Sử dụng cổng BTCT đúc sẵn (tải trọng HL.93) đặt trên lớp BTXM đổ tại chỗ mác 150 và lớp đá dăm đệm 2x4, gia cố móng cọc tre đường kính 6-8cm, chiều dài 2,0m, mật độ 20 cọc/m<sup>2</sup>.

- Đặt chờ cổng tròn D300 đoạn qua đường để phục vụ đầu nối cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc.....

+ Kết cấu cổng thoát nước sử dụng cổng tròn D300. Ống cổng được chế tạo theo công nghệ ép - rung, cốt thép kéo nguội, miệng loe, nổi bằng gioăng cao su. Sử dụng loại ống cổng mua sẵn từ các cơ sở sản xuất có uy tín, chất lượng đảm bảo theo quy định, tải trọng TC dưới đường.

+ Kết cấu hố ga thăm cổng chờ D300 trên hè: Thành ga xây gạch không nung vữa XM mác 75; lòng trong rãnh trát vữa XM mác 75 dày 15mm; đệm đáy hố ga đá dăm lót đá 2x4 dày 10cm; đáy hố ga BTXM mác 150 đá 2x4 dày 15cm; tấm đan nắp hố ga đổ BTCT đá 1x2 mác 250, dày 10cm.

#### \* Hệ thống thoát nước thải

- Hệ thống đường ống nước thải đặt dưới vỉa hè, sử dụng rãnh BTCT B400 và cổng BTCT D400 thu gom toàn bộ nước thải trong dự án và đầu nối vào công trình xử lý nước thải (bể lắng) sau đó thoát ra hệ thống mương hiện trạng.

- Kết cấu rãnh BTCT B400: Rãnh đặt trên lớp đệm đá dăm đá 2x4 dày 10cm, thành rãnh, đáy rãnh bằng BTCT đúc sẵn mác 250 đá 1x2 dày 10cm; tấm đan bằng BTCT đúc sẵn mác 250 đá 1x2 dày 15cm.

- Kết cấu cổng thoát nước thải sử dụng cổng tròn D400. Ống cổng được chế tạo theo công nghệ ép - rung, cốt thép kéo nguội, miệng loe, nổi bằng gioăng cao su. Sử dụng loại ống cổng mua sẵn từ các cơ sở sản xuất có uy tín, chất lượng đảm bảo theo quy định, tải trọng TC dưới đường, tải trọng thấp trên vỉa hè.

- Hố ga thăm kích thước axb=1,44mx1,44m; kết cấu tường xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát vữa XM mác 75; đáy móng BTXM mác 150, đệm lót móng đá dăm 2x4; nắp đáy tấm đan BTCT đá mác 250 kết hợp nắp ga composite.

- Kết cấu bể lắng xử lý nước thải: Móng bể lắng được gia cố cọc tre chiều dài L=2,5m gia cố đáy móng kê mật độ 25 cọc/m<sup>2</sup>; Nền móng ga bằng bê tông lót M150 đá 2x4 dày 10cm; Móng bể được cấu tạo bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 30cm; Thân bể bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 20cm; Tấm đan nắp bể bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 15cm; Nắp bể lắng bằng Composite, tải trọng 12,50 tấn, kích thước 1000x1000mm. Sử dụng loại nắp ga mua sẵn từ các cơ sở sản xuất có uy tín, chất lượng đảm bảo theo quy định.

#### \* Cây xanh

- Xây hố trồng cây bằng gạch không nung vữa XM mác 75, kích thước lòng trong các bồn cây 1,0 x 1,0m, kích thước bao ngoài 1,44x1,44m.

- Các hố trồng cây với khoảng cách 10m – 12m/cây, xây dựng ở phần tiếp giáp giữa hai lô đất, không xây trước cửa nhà dân. Tại các góc phố, để đảm bảo tầm nhìn, hố trồng cây đặt cách góc phố tối thiểu 10m.

- Đất sử dụng để cây phát triển là loại đất màu được tận dụng từ đất bùn, hữu cơ bề mặt trong phạm vi dự án.

- Trồng cây xanh cảnh quan quanh khu vực ô cây xây tạo cảnh quan tầng tầng, lớp lớp kết hợp đường dạo lát đá Cubic 10x10x5cm trên lớp móng BTXM mác 150 dày 10cm.

- Bó vỉa tiếp giáp lô cây xanh: Block vỉa bằng các khối bê tông đúc sẵn mác 250, kích thước 25x39cm, chiều dài viên 0,99m trên đoạn thẳng, 0,49m trên đoạn cong. Dưới block bó vỉa lót vỉa XM mác 75 dày 2cm và lớp BTXM mác 100 đá 2x4 dày 10cm.

- Thiết kế lan can thép sơn tĩnh điện trên đỉnh kè đá hộc các vị trí tiếp giáp muong thủy lợi.

- Loại cây xanh kiến nghị sử dụng cây Bàng Đài Loan, Kèn Hồng, Cọ dầu, Chuối Ngọc, Hồng Lộc, Mẫu Đơn...

#### \* Hệ thống cấp điện

- Hệ thống cấp điện thiết kế bao gồm: Di chuyển, hạ ngầm tuyến đường dây 35kV; Kết hợp tuyến đường dây hạ ngầm để cấp điện cho trạm biến áp xây dựng mới trong dự án; Xây dựng thiết kế hệ thống điện sinh hoạt; điện chiếu sáng cụ thể như sau:

- Di chuyển, hạ ngầm tuyến đường dây 35kV từ cột 15 đến cột 19 nhánh Vân Du 1 lộ 375- E28.17; Kết hợp tuyến đường dây hạ ngầm để cấp điện cho trạm biến áp xây dựng mới trong dự án có chiều dài tuyến khoảng 327m; Trồng mới 2 vị trí cột 18m;

- Tuyến cáp ngầm sử dụng cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-Water-3x120mm<sup>2</sup> – 20/35(40,5)kV (có chống thấm dọc), màn đồng có độ dày > 0,127mm.

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp kiểu trạm Compact hợp bộ cấp điện cho toàn bộ dự án TBA-560kVA-35(22)/0,4kV - đặt tại vị trí cây xanh.

- Xây dựng hệ thống cấp điện sinh hoạt chôn trong hào cáp dưới vỉa hè, chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt 3-5kw/hộ. Cáp ngầm từ tủ điện tổng hạ thế đặt tại TBA xây dựng mới đến các tủ phân phối sử dụng cáp 0,6kV-Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC tiết diện 3x120+1x95mm<sup>2</sup>, 3x70+1x50mm<sup>2</sup>. Cáp luồn trong ống nhựa xoắn HDPE đường kính tương ứng đảm bảo D ống ≥ 1,5D cáp chôn ngầm dưới đất, trên có đặt lớp gạch đặc bảo vệ và lớp băng bảo hiệu cáp ngầm; đoạn cáp ngầm qua đường được luồn qua ống thép.

- Xây dựng hệ thống cột đèn chiếu sáng đường phố bố trí ở một bên đường, sử dụng cột thép tròn côn cần rời chiều cao cần 9,0m đối với tuyến nội bộ (cần đèn cao 2,0m vươn 1,5m); lắp đèn Led 220V/120W; khoảng cách trung bình giữa các cột đèn là 30m/1cột; móng cột kích thước 0,8x0,8x1,0m đổ bê tông mác 200 có chôn sẵn khung móng 04 bulong M24x675. Cột đèn trang trí cảnh quan sử dụng cột đèn cao 4m, lắp đèn Led 80W; khoảng cách trung bình giữa các cột đèn

là 20m/1cột; móng cột kích thước 0,6x0,6x0,8m đổ bê tông mác 200 có chôn sẵn khung móng 04 bulong M16x500. Nguồn điện lấy từ tủ tổng hạ thế trạm biến áp TBA xây dựng mới đến tủ điện chiếu sáng TĐ.ĐKCS bằng dây điện loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x25mm<sup>2</sup>; từ tủ chiếu sáng tới các bảng điện cột đèn dùng loại Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x10mm<sup>2</sup>. Cáp được luồn trong ống nhựa xoắn HDPE D65/50 (D105/80 đối với đường điện cấp nguồn) chôn ngầm dưới đất, trên có đặt lớp gạch đặc không nung và lớp băng bảo hiệu cáp ngầm, đoạn cáp qua đường được luồn qua ống thép; từ bảng điện cột đèn lên đèn dùng dây Cu/PVC/PVC-3x2,5mm<sup>2</sup>; Tại mỗi vị trí cột đèn chiếu sáng lắp đặt một bộ tiếp địa an toàn và khoảng cách 100÷150m lắp một bộ tiếp địa lắp lại đảm bảo  $R_{td} \leq 4\Omega$  trong mọi thời tiết.

## *2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu.*

Chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện công việc Tư vấn giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị đảm bảo công trình được thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ theo thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án, phù hợp với dự án đầu tư xây dựng được duyệt và quy định của pháp luật về xây dựng.

## **II. Phạm vi công việc:**

*1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện, số tháng - người hoặc ngày – người cần thiết (nếu có).*

### **1.1. Phạm vi công việc**

1.1.1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong quá trình thương thảo và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Nội dung công việc của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

b) Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

1.1.2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình được lập cho từng công trình bao gồm:

a) Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư quy định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và thời điểm lập báo cáo.

b) Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu, giai đoạn, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

### 1.1.3. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.



l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

1.2. *Nguồn vốn*: Ngân sách xã và các nguồn vốn hợp pháp khác.

1.3. *Chủ đầu tư*: Ủy ban nhân dân xã Xuân Trúc.

1.4. *Thời gian, tiến độ thực hiện*: 630 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.5. *Nhân sự, thời gian huy động nhân sự*: Phù hợp với giải pháp, phương pháp luận do nhà thầu đề xuất.

2. *Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn. Trong đó phải nêu rõ loại công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, loại công việc tính theo lương chuyên gia.*

*Nhiệm vụ công việc các hạng mục nhà thầu tư vấn phải tiến hành:*

| STT | Mô tả công việc            | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|----------------------------|-------------|------------|
| (1) | (2)                        | (3)         | (4)        |
| 1   | Giám sát thi công xây dựng | Hạng mục    | 1          |
| 2   | Giám sát lắp đặt thiết bị  | Hạng mục    | 1          |

2.1. *Nhiệm vụ nhà thầu tư vấn*

Nội dung công việc thực hiện phải đáp ứng các yêu cầu dưới đây:

a) Thực hiện trong suốt quá trình thi công từ khi khởi công xây dựng, trong thời gian thực hiện cho đến khi hoàn thành và nghiệm thu công việc, công trình xây dựng;

b) Giám sát thi công công trình đúng thiết kế xây dựng được phê duyệt, tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về quản lý, sử dụng vật liệu xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật và hợp đồng xây dựng;

c) Trung thực, khách quan, không vụ lợi.

2.2. *Giá trị thực hiện công việc*

Nội dung của giá trị thực hiện công việc bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Chi phí khác có liên quan.

Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

### *3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV*

Thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện tư vấn là sau khi hợp đồng có hiệu lực.

## **III. Báo cáo và thời gian thực hiện:**

*Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo.*

Báo cáo định kỳ (tuần, tháng) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của chủ đầu tư;

Báo cáo, thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật về kết quả thực hiện công việc tư vấn theo đúng quy định của pháp luật.

Lập báo cáo giám sát theo quy định;

Báo cáo sự cố/khiếm khuyết: Ghi nhận các vấn đề sai sót kỹ thuật, sự cố an toàn, môi trường và các biện pháp xử lý kịp thời.

Các báo cáo khác theo nội dung hợp đồng tư vấn ký kết với chủ đầu tư và quy định hiện hành (nếu có).

## **IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:**

*Yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí .*

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại chương III – Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong chương III – Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông

báo cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận trong hợp đồng.

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

#### **V. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

*Dự kiến khả năng cung cấp điều kiện làm việc, cán bộ hỗ trợ của chủ đầu tư và những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.*

V.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư được quy định tại Luật Đấu thầu cụ thể:

1. Phê duyệt các nội dung sau đây:

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
- Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn;
- Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;
- Kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Trả lời làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

3. Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ.

4. Tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại các điểm Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, danh sách ngắn; Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và Kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có)

5. Ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng với nhà thầu; ký kết và quản lý thỏa thuận khung đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung; thanh toán cho nhà thầu theo quy định trong hợp đồng đã ký kết.

6. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đáp ứng quy định tại Điều 19 của Luật Đấu thầu trong trường hợp không thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ

sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

7. Quyết định xử lý tình huống trong đấu thầu.

8. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà thầu.

9. Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

10. Lưu trữ thông tin liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật Đấu thầu.

11. Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu hằng năm.

12. Hủy thầu đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm e khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu sửa đổi tại Luật số 90/2025/QH15

13. Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu.

14. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về các nội dung sau:

- *Việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

- *Việc chuẩn bị, tổ chức lựa chọn nhà thầu; ký kết, quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu;*

- *Tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu.*

15. Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có); thương thảo (nếu có) và hoàn thiện thỏa thuận khung với nhà thầu, quản lý thực hiện thỏa thuận khung (nếu có) đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung.

16. Chấp thuận hoặc không chấp thuận việc điều chuyển khối lượng, phạm vi công việc của nhà thầu phụ cho tổ chức, đơn vị khác khi cần đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng gói thầu khi nhà thầu chính đề xuất.

17. Trang bị cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu đấu thầu qua mạng.

18. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của thông tin đã đăng ký, đăng tải lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi sử dụng chứng thư số của mình.

19. Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

V.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và E-HSMT; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.